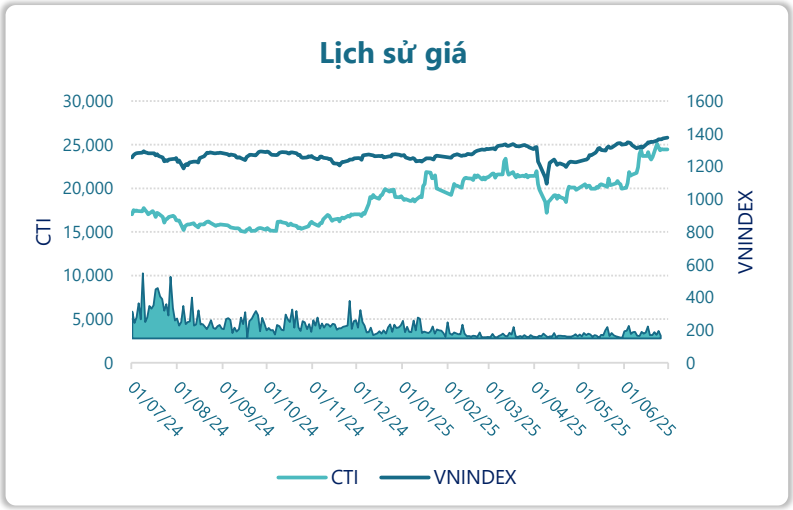
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO (HSX: CTI)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,450**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
SL cổ phiếu LH	62,999,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,819,591
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,540
P/E	12.7
EPS	1,923

DT thuần

Q2/25

348

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 66.0| 23.4%

YoY: ▲ 91.0| 35.4%

LN sau thuế

Q2/25

39.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.70| -6.3%

YoY: ▲ 14.7| 58.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

23.7%

+/- YoY: ▼ 4.9%

DT thuần

6T 2025

631

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 117| 22.7%

LN sau thuế

6T 2025

82.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.5| 44.7%

ROE

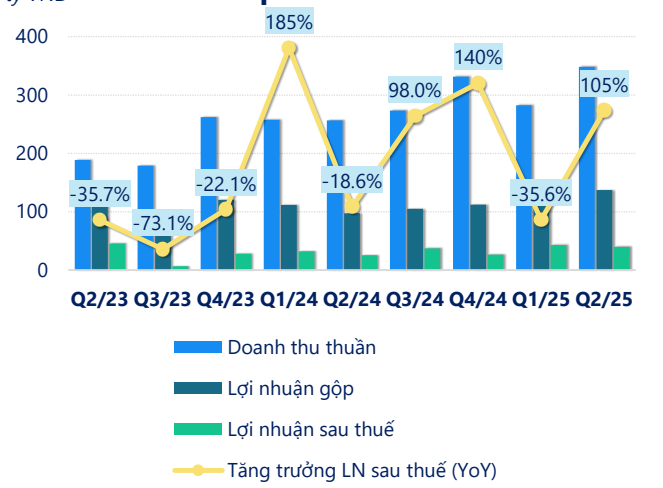
Q2/25

7.4%

+/- YoY: ▲ 2.2%

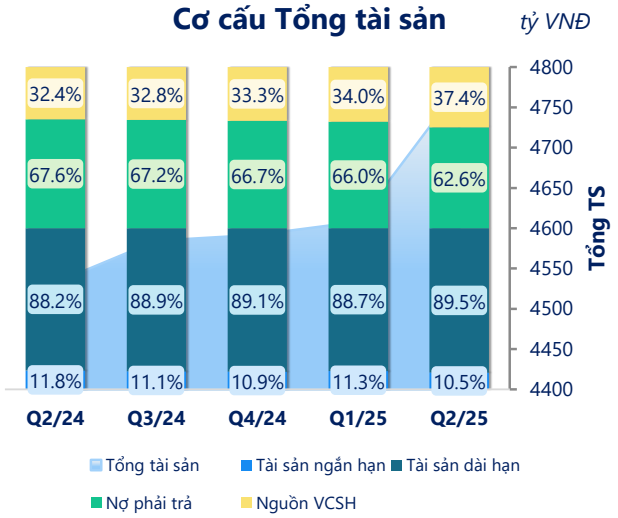
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



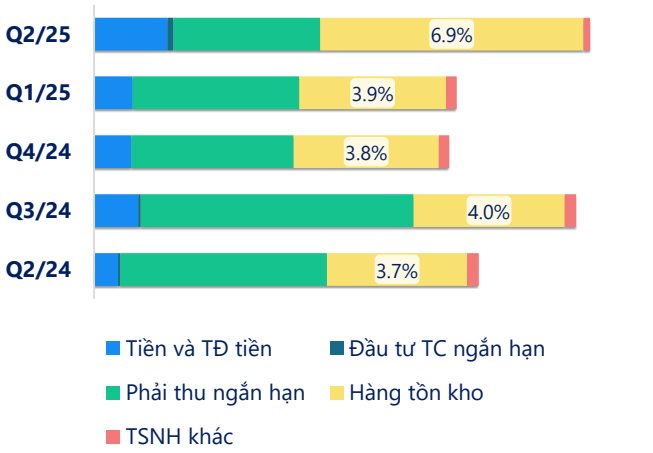
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



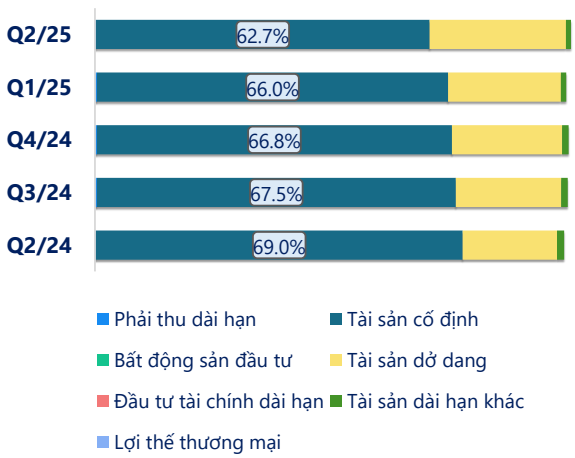
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



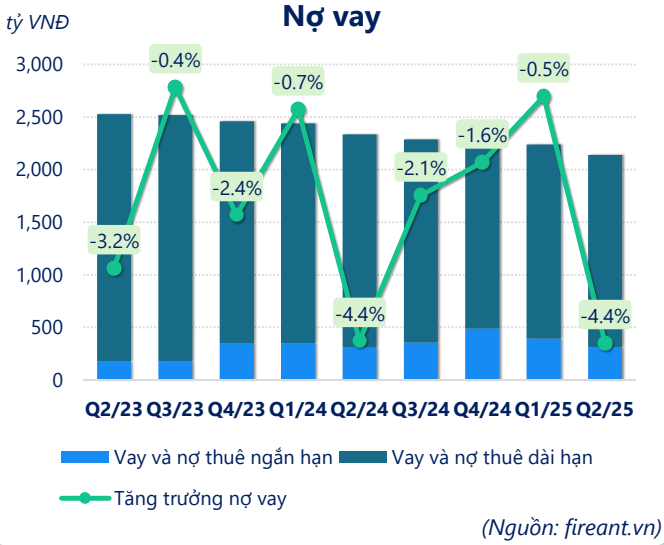
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



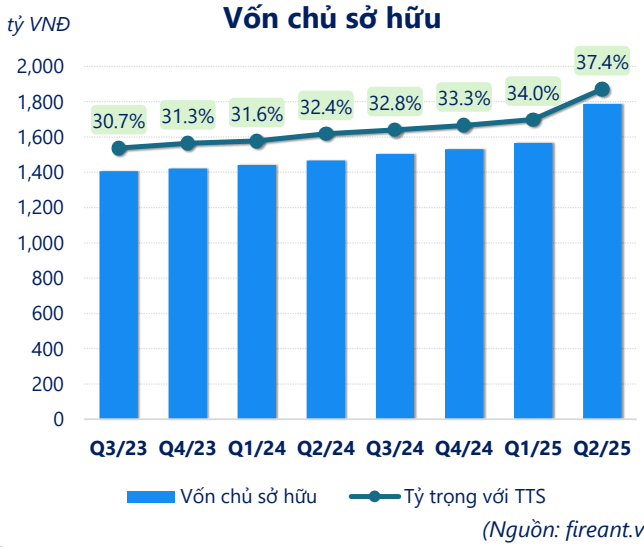
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



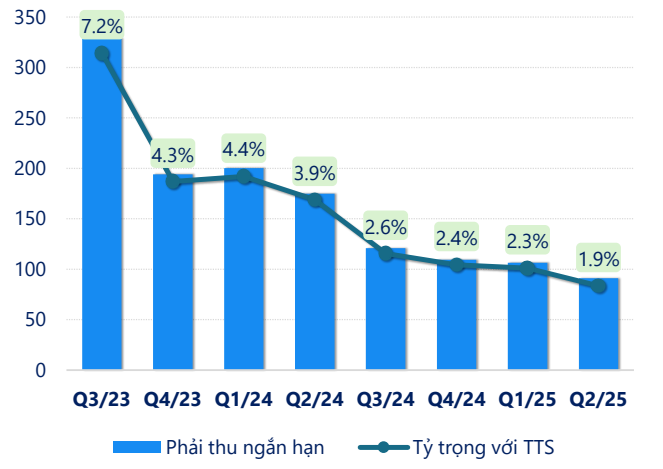
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



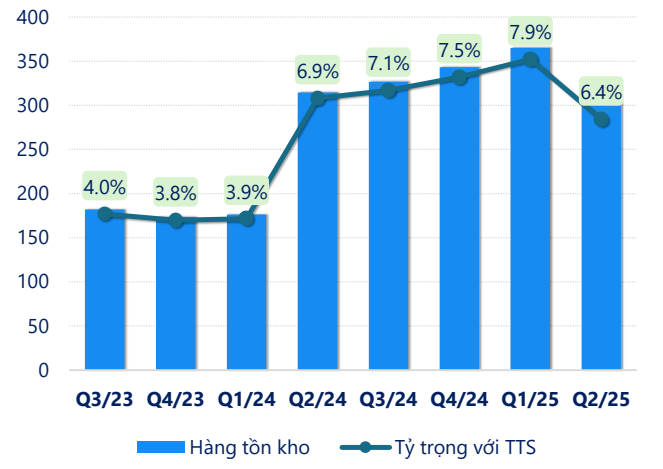
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



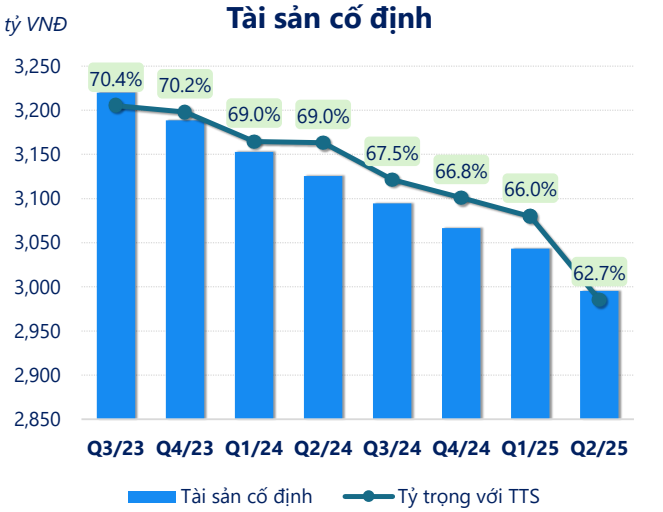
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



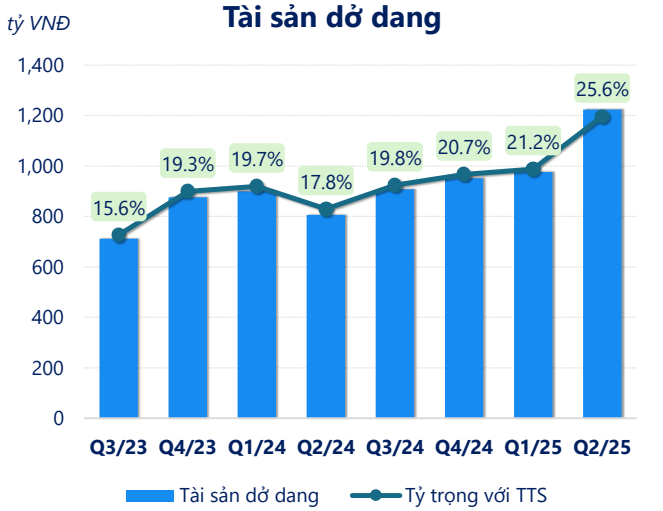
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



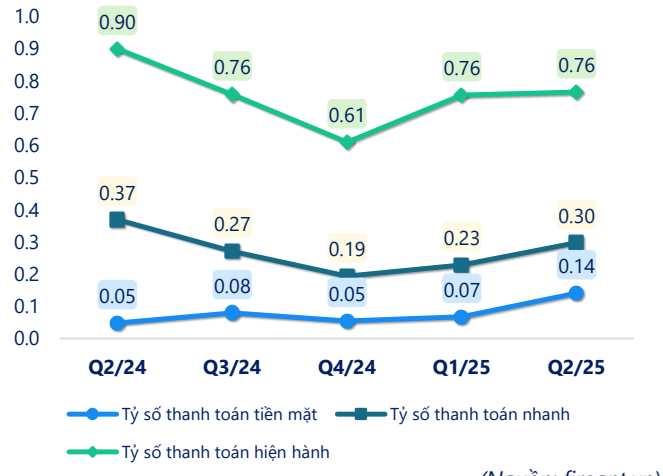
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



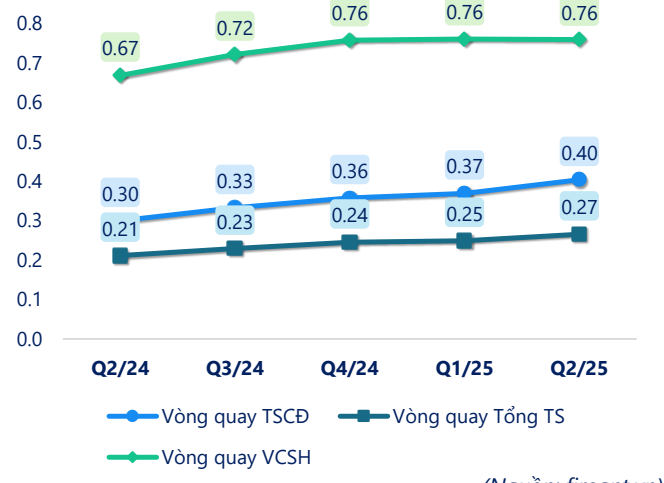
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,532**	**4,584**	**4,592**	**4,608**	**4,775**
Tài sản ngắn hạn	**533**	**508**	**503**	**523**	**499**
Tiền và tương đương tiền	28.5	53.2	45.1	46.9	92.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.22	0	0	0	7.48
Phải thu ngắn hạn	175	121	109	106	91.2
Hàng tồn kho	314	327	343	365	305
Tài sản ngắn hạn khác	7.85	7.33	5.07	4.39	3.40
Tài sản dài hạn	**3,999**	**4,076**	**4,089**	**4,085**	**4,276**
Phải thu dài hạn	7.88	16.5	16.5	17.3	9.28
Tài sản cố định	3,126	3,094	3,067	3,043	2,995
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	806	908	952	976	1,224
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	60.0	57.6	54.7	48.8	46.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,066**	**3,080**	**3,062**	**3,042**	**2,987**
Nợ ngắn hạn	**592**	**670**	**825**	**692**	**653**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	309	356	490	394	312
Phải trả người bán ngắn hạn	123	138	153	119	104
Nợ dài hạn	2,473	2,410	2,237	2,350	2,335
Vay và nợ thuê dài hạn	2,025	1,929	1,760	1,845	1,828
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,467**	**1,504**	**1,530**	**1,566**	**1,788**
Vốn chủ sở hữu	**1,467**	**1,504**	**1,530**	**1,566**	**1,788**
Vốn điều lệ	630	630	630	630	630
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)